

Bản án số: 199/2020/HNGĐ-ST
Ngày 21 – 8 – 2020
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Bà Nguyễn Kim kết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 358/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 366/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Tuyết T, sinh năm 1999; cư trú tại: Ấp Đ, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Chí B, sinh năm 1997; cư trú tại: Ấp Đ, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Trần Tuyết T và anh Nguyễn Chí B chung sống vào năm 2017 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Khi về chung sống đến đầu năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải, hàn gắn nhưng không khắc phục được và đã sống ly thân đến nay. Từ nguyên nhân trên, các đương sự xét thấy không thể tiếp tục chung sống nên đồng ý ly hôn với nhau.

Quá trình chung sống các đương sự có 01 người con chung tên Trần Nguyễn Anh Th, sinh ngày 22/01/2019 do chị T đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, các đương sự thỏa thuận giao chị T tiếp tục nuôi dưỡng; chị T yêu cầu anh B cấp dưỡng theo mức 800.000 đồng/tháng, thời điểm kể từ ngày xét xử sơ thẩm (21/8/2020) cho đến

khi Anh Th tròn 18 tuổi; anh B không đồng ý theo yêu cầu của chị T do hiện nay chưa có điều kiện, anh sẽ hỗ trợ chị T nuôi dưỡng Anh Th theo khả năng hiện có.

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các vấn đề khác: Các đương sự xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Trần Tuyết T và anh Nguyễn Chí B chung sống vào năm 2017 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Duyệt, huyện Đàm Dơi. Khi về chung sống xảy ra mâu thuẫn từ đầu năm 2019, đã hòa giải, hàn gắn nhưng không khắc phục được và sống ly thân đến nay. Từ nguyên nhân trên, các đương sự xét thấy không thể tiếp tục chung sống nên đồng ý ly hôn với nhau.

Xét thấy, việc các đương sự đồng ý ly hôn với nhau là tự nguyện, không trái pháp luật nên được chấp nhận.

[2] Các đương sự có 01 người con chung do chị T đang nuôi dưỡng; khi ly hôn các đương sự thỏa thuận giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Xét thấy, Anh Th là cháu gái do chị T nuôi dưỡng từ khi anh, chị ly thân cho đến nay nên các đương sự thỏa thuận giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là tự nguyện, phù hợp với điều kiện thực tế và không trái pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn:

Chị T yêu cầu anh B cấp dưỡng theo mức 800.000 đồng/tháng, thời điểm kể từ ngày xét xử sơ thẩm (21/8/2020) cho đến khi Anh Th tròn 18 tuổi. Anh B không đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của chị T.

Xét thấy, theo quy định của pháp luật cha, mẹ có quyền, nghĩa vụ ngang nhau đối với con chung sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và theo hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao thì "mức đóng góp phí tôn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới 1/2 (một phần hai) mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với một người con" nên việc anh B không đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của chị T là chưa phù hợp nên không được chấp nhận.

Đến thời điểm hiện nay, mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định là 1.490.000 đồng; do đó, để anh B thực hiện trách nhiệm trong việc nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn thì việc chị T yêu cầu anh B cấp dưỡng số tiền 800.000 đồng/tháng từ ngày 21/8/2020 cho đến khi Anh Th tròn 18 tuổi là phù hợp với điều kiện thực tế và đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết; các vấn đề khác: Các đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét. Trường hợp có phát sinh tranh chấp về các vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị T phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng và anh B phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Tuyết T.
- Về hôn nhân: Công nhận việc đồng ý ly hôn giữa chị T và anh Nguyễn Chí B.

- Về con chung: Giao Trần Nguyễn Anh Th, sinh ngày 22/01/2019 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng; buộc anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi Anh Th theo mức 800.000 đồng/tháng, thời điểm kể từ ngày xét xử sơ thẩm (21/8/2020) cho đến khi Anh Th tròn 18 tuổi; việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị T đối với khoản tiền cấp dưỡng cho đến khi thi hành án xong thì hàng tháng anh B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí hôn nhân gia đình: Chị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010885 ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (chị T đã nộp xong).

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) (chưa nộp).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn